

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nơn v.v... vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa hoặc thường, hoặc vô thường. Vì sao? Vì bố thí Ba-la-mật-đa và tự tánh của bố thí Ba-la-mật-đa là không; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa và tự tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa là không. Tự tánh của bố thí Ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, bố thí Ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có bố thí Ba-la-mật-đa v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa hoặc lạc, hoặc khổ, chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa hoặc lạc, hoặc khổ. Vì sao? Vì bố thí Ba-la-mật-đa và tự tánh của bố thí Ba-la-mật-đa là không; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa và tự tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa là không. Tự tánh của bố thí Ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, bố thí Ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có bố thí Ba-la-mật-đa v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng

nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa hoặc ngã, hoặc vô ngã. Vì sao? Vì bồ thí Ba-la-mật-đa và tự tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa là không; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa và tự tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa là không. Tự tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, bồ thí Ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó còn không có bồ thí Ba-la-mật-đa v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bồ thí Ba-la-mật-đa hoặc tịnh, hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa hoặc tịnh, hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì bồ thí Ba-la-mật-đa và tự tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa là không; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa và tự tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa là không. Tự tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, bồ thí Ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có bồ thí Ba-la-mật-đa v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... ấy nói những điều đó là tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa một cách chơn chánh.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không nội hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thẳng nghĩa, pháp không hữu vi,

pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc thường, hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp không nội và tự tánh của pháp không nội là không; pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh là không. Tự tánh của pháp không nội ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, pháp không nội chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có pháp không nội v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không nội hoặc lạc, hoặc khổ, chẳng nên quán pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc lạc, hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp không nội và tự tánh của pháp không nội là không; pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả

pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh là không. Tự tánh của pháp không nội ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, pháp không nội chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có pháp không nội v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không nội hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tán mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc ngã, hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp không nội và tự tánh của pháp không nội là không; pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tán mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh là không. Tự tánh của pháp không nội ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, pháp không nội chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó còn không có pháp không nội v.v... có

thể nắm bắt được, hướng là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không nội hoặc tịnh, hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc tịnh, hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp không nội và tự tánh của pháp không nội là không; pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh là không. Tự tánh của pháp không nội ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, pháp không nội chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có pháp không nội v.v... có thể nắm bắt được, hướng là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... ấy nói những điều đó là tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa một cách chơn chánh.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chơn như hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư

không, cảnh giới bất tư nghi hoặc thường, hoặc vô thường. Vì sao? Vì chơn như và tự tánh của chơn như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghi và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghi là không. Tự tánh của chơn như ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghi ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, chơn như chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghi đều chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có chơn như v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chơn như hoặc lạc, hoặc khổ, chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghi hoặc lạc, hoặc khổ. Vì sao? Vì chơn như và tự tánh của chơn như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghi và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghi là không. Tự tánh của chơn như ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghi ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, chơn như chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghi đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có chơn như v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chơn như hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghi hoặc ngã, hoặc vô ngã. Vì sao? Vì chơn như và tự tánh của chơn như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh

chẳng hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì là không. Tự tánh của chơn như ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, chơn như chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó còn không có chơn như v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chơn như hoặc tịnh, hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì hoặc tịnh, hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì chơn như và tự tánh của chơn như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì là không. Tự tánh của chơn như ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, chơn như chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì đều chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có chơn như v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam tử, thiện nữ nơn v.v... ấy nói những điều đó là tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa một cách chơn chánh.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nơn v.v... vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc thường, hoặc vô thường. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh

đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế khổ, diệt, đạo là không. Tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhãn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhãn Ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có Thánh đế khổ v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu người có khả năng tu an nhãn như thế là tu an nhãn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhãn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc lạc, hoặc khổ, chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc lạc, hoặc khổ. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không. Tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhãn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhãn Ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có Thánh đế khổ v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu người có khả năng tu an nhãn như thế là tu an nhãn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhãn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc ngã, hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không. Tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhãn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhãn Ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó còn không có Thánh đế khổ v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu người có khả năng tu an nhãn như thế là tu an nhãn Ba-la-mật-đa.



Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc tịnh, hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc tịnh, hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không. Tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có Thánh đế khổ v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... ấy nói những điều đó là tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa một cách chơn chánh.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn tịnh lự hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc hoặc thường, hoặc vô thường. Vì sao? Vì bốn tịnh lự và tự tánh của bốn tịnh lự là không; bốn vô lượng, bốn định vô sắc và tự tánh của bốn vô lượng, bốn định vô sắc là không. Tự tánh của bốn tịnh lự ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của bốn vô lượng, bốn định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, bốn tịnh lự chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn vô lượng, bốn định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có bốn tịnh lự v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn tịnh lự hoặc lạc, hoặc khổ, chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc hoặc lạc, hoặc khổ. Vì sao? Vì bốn tịnh lự và tự tánh của bốn tịnh lự là không; bốn vô lượng, bốn định vô sắc và tự tánh của bốn vô lượng, bốn định vô sắc là không. Tự tánh của

bốn tịnh lự ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của bốn vô lượng, bốn định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhãn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhãn Ba-la-mật-đa này, bốn tịnh lự chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn vô lượng, bốn định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có bốn tịnh lự v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu người có khả năng tu an nhãn như thế là tu an nhãn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhãn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn tịnh lự hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc hoặc ngã, hoặc vô ngã. Vì sao? Vì bốn tịnh lự và tự tánh của bốn tịnh lự là không; bốn vô lượng, bốn định vô sắc và tự tánh của bốn vô lượng, bốn định vô sắc là không. Tự tánh của bốn tịnh lự ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của bốn vô lượng, bốn định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhãn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhãn Ba-la-mật-đa này, bốn tịnh lự chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn vô lượng, bốn định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó còn không có bốn tịnh lự v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu người có khả năng tu an nhãn như thế là tu an nhãn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhãn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn tịnh lự hoặc tịnh, hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc hoặc tịnh, hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì bốn tịnh lự và tự tánh của bốn tịnh lự là không; bốn vô lượng, bốn định vô sắc và tự tánh của bốn vô lượng, bốn định vô sắc là không. Tự tánh của bốn tịnh lự ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của bốn vô lượng, bốn định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhãn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhãn Ba-la-mật-đa này, bốn tịnh lự chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn vô lượng, bốn định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có bốn tịnh lự v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu người có khả năng tu an nhãn như thế là tu an nhãn Ba-la-mật-đa.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... ấy nói những điều đó là tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa một cách chơn chánh.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám giải thoát hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ hoặc thường, hoặc vô thường. Vì sao? Vì tám giải thoát và tự tánh của tám giải thoát là không; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ và tự tánh của tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ là không. Tự tánh của tám giải thoát ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, tám giải thoát chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có tám giải thoát v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám giải thoát hoặc lạc, hoặc khổ, chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ hoặc lạc, hoặc khổ. Vì sao? Vì tám giải thoát và tự tánh của tám giải thoát là không; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ và tự tánh của tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ là không. Tự tánh của tám giải thoát ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, tám giải thoát chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có tám giải thoát v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám giải thoát hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ hoặc ngã, hoặc vô

ngã. Vì sao? Vì tám giải thoát và tự tánh của tám giải thoát là không; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ và tự tánh của tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ là không. Tự tánh của tám giải thoát ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, tám giải thoát chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó còn không có tám giải thoát v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám giải thoát hoặc tịnh, hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ hoặc tịnh, hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tám giải thoát và tự tánh của tám giải thoát là không; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ và tự tánh của tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ là không. Tự tánh của tám giải thoát ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, tám giải thoát chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có tám giải thoát v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... ấy nói những điều đó là tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa một cách chơn chánh.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn niệm trụ hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo hoặc thường, hoặc vô thường. Vì sao? Vì bốn niệm trụ và tự tánh của bốn niệm trụ là không; bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo và tự tánh của bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo là không. Tự tánh

của bốn niệm trụ ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, bốn niệm trụ chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có bốn niệm trụ v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn niệm trụ hoặc lạc, hoặc khổ, chẳng nên quán bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo hoặc lạc, hoặc khổ. Vì sao? Vì bốn niệm trụ và tự tánh của bốn niệm trụ là không; bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo và tự tánh của bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo là không. Tự tánh của bốn niệm trụ ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, bốn niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có bốn niệm trụ v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn niệm trụ hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo hoặc ngã, hoặc vô ngã. Vì sao? Vì bốn niệm trụ và tự tánh của bốn niệm trụ là không; bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo và tự tánh của bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo là không. Tự tánh của bốn niệm trụ ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, bốn niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng

chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó còn không có bốn niệm trụ v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn niệm trụ hoặc tịnh, hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn chánh đoạn, bốn thân tức, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo hoặc tịnh, hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì bốn niệm trụ và tự tánh của bốn niệm trụ là không; bốn chánh đoạn, bốn thân tức, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo và tự tánh của bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo là không. Tự tánh của bốn niệm trụ ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, bốn niệm trụ chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có bốn niệm trụ v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... ấy nói những điều đó là tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa một cách chơn chánh.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tuyên thuyết an nhẫn Ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát không hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện hoặc thường, hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát không và tự tánh của pháp môn giải thoát không là không; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện là không. Tự tánh của pháp môn giải thoát không ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát không chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được thì cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có pháp môn giải thoát không v.v... có thể nắm bắt được, huống

là có cái thường và vô thường kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát không hoặc lạc, hoặc khổ, chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện hoặc lạc, hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát không và tự tánh của pháp môn giải thoát không là không; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện là không. Tự tánh của pháp môn giải thoát không ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát không chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có pháp môn giải thoát không v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát không hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện hoặc ngã, hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát không và tự tánh của pháp môn giải thoát không là không; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện là không. Tự tánh của pháp môn giải thoát không ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát không chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, thì cái ngã, vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó còn không có pháp môn giải thoát không v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu người có khả năng tu an nhẫn như thế là tu an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử! Người nên tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát không hoặc tịnh, hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện hoặc tịnh, hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát không và tự tánh của pháp môn giải thoát không là không; pháp môn giải thoát vô

tướng, vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện là không. Tự tánh của pháp môn giải thoát không ấy tức chẳng phải là tự tánh; tự tánh của pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là an nhãn Ba-la-mật-đa. Đối với an nhãn Ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát không chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được thì cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, còn không có pháp môn giải thoát không v.v... có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu người có khả năng tu an nhãn như thế là tu an nhãn Ba-la-mật-đa.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... ấy nói những điều đó là tuyên thuyết an nhãn Ba-la-mật-đa một cách chơn chánh.

Quyển Thứ 157

**HẾT**